

UNIT 11

PRESENT SIMPLE (HIỆN TẠI ĐƠN)

GRAMMAR BOARD

POSTITIVE (KHẺ ĐỊNH)

S+ V (s,es)

I **watch** TV every day.

He **watches** TV every day.

NEGATIVE (PHỦ ĐỊNH)

S+ don't/doesn't+ V.

I **don't watch** TV every day.

He **doesn't watch** TV every.

PRESENT SIMPLE

USAGE (CÁCH SỬ DỤNG)

- Sự thật hiển nhiên
- Thói quen, sở thích ở hiện tại.

QUESTIONS (CÂU HỎI)

(Wh) + do/does+ S+ V?

Do you watch TV every day?

Does he watch TV every day?

TIME EXPRESSIONS (DẤU HIỆU THỜI GIAN)

never- hardly – ever-rarely- seldom – sometimes –often –usually –always-
in the morning –in the afternoon –in the evening –at the weekend –on
Mondays- on Sundays –every day –once a week –twice a week.....

POSITIVE (KHẲNG ĐỊNH)

I/YOU/WE/THEY/CHỦ NGỮ SỐ NHIỀU

HE/SHE/IT/CHỦ NGỮ SỐ ÍT

V (ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ)

Vs/Ves (ĐỘNG TỪ THÊM "S" HOẶC "ES"

I **eat**

You **eat**

They **eat**

My parents **eat**.

he **eats**

she **eats**

it **eats**

My dog **eats**.



Nếu động từ kết thúc bằng "o,ch,x.sh,z,s,ss" thì thêm "es"

go- goes, watch-watches, fix=fixes,

wash-washes, miss-misses

Nếu động từ kết thúc bằng "y" chuyển thành "ies" Nhưng trước "y" là nguyên âm "u,e,o,a,i" thì thêm "s" bình thường

cry- cries, try-tries

Nhưng: *play-plays, enjoy-enjoys*



1

Change the verbs form.

I/you/we/they

He/she/it

1.wake up

wakes up

2.walk

3.study

4.brush

I/you/we/they

He/she/it

5.watch

6. cry

7. drink

8. play

9.fly _____

14.sit _____

10.do _____

15.tidy _____

11.read _____

16.enjoy _____

12.write _____

17.try _____

13.give _____

18.work _____



2

Choose the verbs and complete the sentences.



1. Nick brushes his teeth every day.
2. We _____ science lesson on Mondays.
3. He _____ his kite very afternoon.
4. My mom _____ me every day.
5. Peter _____ his homework after dinner.

~~brush~~

fly

have

do

kiss



3

Change and complete the sentences.

1. I get up at six o'clock.
2. I have breakfast every day.
3. I brush his teeth at 7a.m
4. I go to school at 8 a.m
5. I study hard at school.

He gets up at six o'clock

Mr Brown _____

My brother _____

Sam _____

She _____



4

Complete the text with the correct form of the verbs.

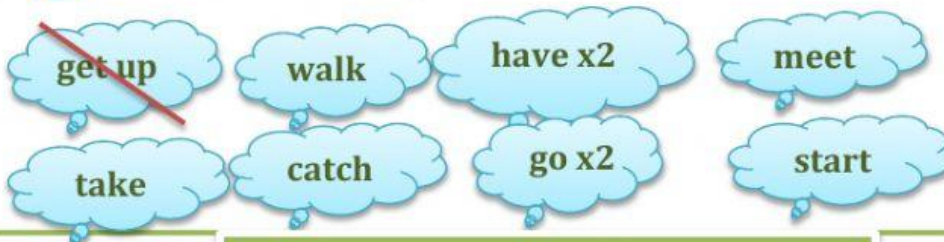
LOVELY SUNDAY

I (love) love Sundays. My brother, Nick (love) _____ Sundays too. I (get up) _____ at 6 o'clock, but Nick _____ (sleep) until 10 a.m. I (have) _____ breakfast in the kitchen with mum and dad. Mum _____ (drink) coffee or tea, and I (drink) _____ hot coffee. My dad (drink) _____ tea or milk.



5

Choose and complete the text.



MY DAY

Marry (1) gets up every day at 6 o'clock. She (2) _____ a shower, then (3) _____ breakfast. She (4) _____ to the bus stop and (5) _____ a bus to school.



At school, she (6) _____ her friends and they (7) _____ class together. They all (8) _____ lunch during recess time at 10 a.m.



After recess, lessons (9) _____ a gain. After school, Marry (10) _____ home.